

BẢNG QUY ĐỊNH TẠM THỜI
Định mức kỹ thuật sử dụng cho các chương trình,
dự án khuyến nông trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 52 /2015/QĐ-UBND, ngày 09 tháng 10 năm 2015
của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh)

I. Định mức trong lĩnh vực trồng trọt

1. Phần vật tư

1.1. Định mức kỹ thuật sản xuất lúa lai

Tính cho: 01 ha

TT	Hạng Mục	Đơn vị tính	Định mức hỗ trợ
1	Giống: + Cấy	kg	32
	+ Sạ hàng	kg	47
2	Urê	kg	75
3	Lân Supe	kg	165
4	Kali Clorua	kg	51
5	Thuốc trừ cỏ	1.000đ	90
6	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	360

1.2. Định mức kỹ thuật nhân giống lúa chất lượng

Tính cho: 01 ha

TT	Hạng Mục	Đơn vị tính	Định mức hỗ trợ
1	Giống	kg	75
2	Urê	kg	75
3	Lân Supe	kg	135
4	Kali Clorua	kg	45
5	Thuốc trừ cỏ	1.000đ	90
6	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	360

1.3. Định mức kỹ thuật sản xuất lúa chất lượng

Tính cho: 01 ha

TT	Hạng Mục	Đơn vị tính	Định mức hỗ trợ
1	Giống	kg	110
2	Urê	kg	75
3	Lân supe	kg	165
4	Kali Clorua	kg	45
5	Thuốc trừ cỏ	1.000đ	90
6	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	360

1.4. Định mức kỹ thuật 3 giảm 3 tăng trong sản xuất lúa

Tính cho: 01 ha

TT	Hạng Mục	Đơn vị tính	Định mức hỗ trợ
1	Giống	kg	90
2	Urê	kg	66
3	Lân supe	kg	135
4	Kali Clorua	kg	40,5
5	Thuốc trừ cỏ	1.000đ	90
6	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	210

1.5. Định mức kỹ thuật ứng dụng hệ thống thâm canh tổng hợp trong sản xuất lúa (SRI)

Tính cho: 01 ha

TT	Hạng Mục	Đơn vị tính	Định mức hỗ trợ
1	Giống	kg	27
2	Urê	kg	58,5
3	Lân supe	kg	115,5
4	Kali Clorua	kg	31,5
5	Phân hữu cơ sinh học	kg	165,0
6	Thuốc trừ cỏ	1.000đ	90,0
7	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	150,0

1.6. Định mức kỹ thuật ứng dụng chế phẩm OMETAR phòng trừ rầy hại lúa

Tính cho: 01 ha

TT	Hạng Mục	Đơn vị tính	Định mức hỗ trợ
1	Chế phẩm	kg	2,4
2	Chất bám dính nông dược	lít	0,3
3	Thuốc trừ bệnh	1.000đ	60,0
4	Thuốc trừ cỏ	1.000đ	60,0

1.7. Định mức kỹ thuật sản xuất bắp lai

Tính cho: 01 ha

TT	Hạng Mục	Đơn vị tính	Định mức hỗ trợ
1	Giống	kg	17
2	Urê	kg	135
3	Lân Supe	kg	180
4	Kali Clorua	kg	60
5	Thuốc trừ cỏ	1.000đ	90
6	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	210

1.8. Định mức kỹ thuật sản xuất bắp nếp (bắp ngọt)

Tính cho: 01 ha

TT	Hạng Mục	Đơn vị tính	Định mức hỗ trợ
1	Giống	kg	11
2	Urê	kg	90
3	Lân Supe	kg	120
4	Kali Clorua	kg	75
6	Thuốc trừ cỏ	1.000đ	90
7	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	180

1.9. Định mức kỹ thuật sản xuất khoai lang

Tính cho: 01 ha

TT	Hạng Mục	Đơn vị tính	Định mức hỗ trợ
1	Hom giống	kg	1.300
2	Urê	kg	39
3	Lân Supe	kg	105
4	Kali Clorua	kg	60
5	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	150

1.10. Định mức kỹ thuật nhân giống khoai môn (khoai sọ)

Tính cho: 01 ha

TT	Hạng Mục	Đơn vị tính	Định mức hỗ trợ
1	Giống	kg	1.300
2	Urê	kg	150
3	Lân supe	kg	300
4	Kali Clorua	kg	120
5	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	300

1.11. Định mức kỹ thuật sản xuất khoai môn (khoai sọ)

Tính cho: 01 ha

TT	Hạng Mục	Đơn vị tính	Định mức hỗ trợ
1	Giống	kg	1.300
2	Urê	kg	90
3	Lân supe	kg	180
4	Kali Clorua	kg	90
5	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	300

1.12. Định mức kỹ thuật trồng thâm canh khoai mì bền vững

Tính cho: 01 ha

TT	Hạng Mục	Đơn vị tính	Định mức hỗ trợ
1	Giống	hom	19.000
2	Urê	kg	90
3	Lân supe	kg	150

4	Kali Clorua	kg	90
5	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000d	90

1.13. Định mức kỹ thuật sản xuất đậu nành

Tính cho: 01 ha

TT	Hạng Mục	Đơn vị tính	Định mức hỗ trợ
1	Giống	kg	65
2	Urê	kg	30
3	Lân supe	kg	105
4	Kali Clorua	kg	30
5	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000d	180

1.14. Định mức kỹ thuật nhân giống đậu xanh

Tính cho: 01 ha

TT	Hạng Mục	Đơn vị tính	Định mức hỗ trợ
1	Giống	kg	27
2	Urê	kg	30
3	Lân supe	kg	120
4	Kali Clorua	kg	30
5	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000d	180

1.15. Định mức kỹ thuật sản xuất cải bẹ an toàn

Tính cho: 01 ha

TT	Hạng Mục	Đơn vị tính	Định mức hỗ trợ
1	Giống	gam	550
2	Urê	kg	45
3	Lân supe	kg	84
4	Kali Clorua	kg	39
5	Phân hữu cơ sinh học	kg	450
6	Phân bón lá	1.000d	150
7	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000d	150

1.16. Định mức kỹ thuật sản xuất cải xanh và cải ăn lá các loại an toàn*Tính cho: 01 ha*

TT	Hạng Mục	Đơn vị tính	Định mức hỗ trợ
1	Giống	kg	5,5
2	Urê	kg	18
3	Lân supe	kg	36
4	Kali Clorua	kg	27
5	Phân hữu cơ sinh học	kg	450
6	Phân bón lá	1.000d	90
7	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000d	90

1.17. Định mức kỹ thuật sản xuất cà chua an toàn*Tính cho: 01 ha*

TT	Hạng Mục	Đơn vị tính	Định mức hỗ trợ
1	Giống: Hạt giống	gam	225
2	Hoặc: Cây giống	cây	30.000
3	Urê	kg	75
4	Lân Supe	kg	180
5	Kali Clorua	kg	90
6	Phân hữu cơ SH	kg	600
7	Phân bón lá	1.000d	300
8	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000d	450

1.18. Định mức kỹ thuật sản xuất dưa leo an toàn*Tính cho: 01 ha*

TT	Hạng Mục	Đơn vị tính	Định mức hỗ trợ
1	Giống	gam	650
2	Urê	kg	75
3	Lân supe	kg	105
4	Kali Clorua	kg	90
5	Phân hữu cơ sinh học	kg	600
6	Phân bón lá	1.000d	150
7	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000d	450

1.19. Định mức kỹ thuật sản xuất khổ qua an toàn*Tính cho: 01 ha*

TT	Hạng Mục	Đơn vị tính	Định mức hỗ trợ
1	Giống	kg	2,25
2	Urê	kg	90
3	Lân supe	kg	105
4	Kali Clorua	kg	90
5	Phân hữu cơ SH	kg	450
6	Phân bón lá	1.000đ	150
7	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	180

1.20. Định mức kỹ thuật sản xuất ớt cay an toàn*Tính cho: 01 ha*

TT	Hạng Mục	Đơn vị tính	Định mức hỗ trợ
1	Giống	gam	350
2	Urê	kg	90
3	Lân supe	kg	90
4	Kali Clorua	kg	120
5	Phân hữu cơ sinh học	kg	750
6	Phân bón lá	1.000đ	150
7	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	300

1.21. Định mức kỹ thuật sản xuất bí xanh an toàn*Tính cho: 01 ha*

TT	Hạng Mục	Đơn vị tính	Định mức hỗ trợ
1	Giống:- Hạt giống	gam	900
2	Hoặc: - Cây giống	cây	22.000
3	Urê	kg	90
4	Lân supe	kg	120
5	Kali Clorua	kg	105
6	Phân hữu cơ sinh học	kg	600

7	Phân bón lá	1.000d	150
8	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000d	300

1.22. Định mức kỹ thuật sản xuất bí đỏ an toàn

Tính cho: 01 ha

TT	Hạng Mục	Đơn vị tính	Định mức hỗ trợ
1	Giống:- Hạt giống	gam	600
2	Hoặc:- Cây giống	cây	7000
3	Urê	kg	75
4	Lân supe	kg	165
5	Kali Clorua	kg	51
6	Phân hữu cơ sinh học	kg	450
7	Phân bón lá	1.000d	150
8	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000d	150

1.23. Định mức kỹ thuật sản xuất đậu rau an toàn

Tính cho: 01 ha

TT	Hạng Mục	Đơn vị tính	Định mức hỗ trợ
1	Giống	Kg	42
2	Urê	Kg	60
3	Lân Supê	Kg	105
4	Kali Clorua	Kg	60
5	Phân hữu cơ sinh học	Kg	300
6	Phân bón lá	1.000d	150
7	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000d	300

1.24. Định mức kỹ thuật sản xuất dưa hấu

24.1. Phần vật tư

Tính cho: 01 ha

TT	Hạng Mục	Đơn vị tính	Định mức hỗ trợ
1	Giống	Gram	500
2	Urê	Kg	75

3	Lân supe	Kg	225
4	Kali Clorua	Kg	90
5	Phân hữu cơ sinh học	Kg	600
6	Phân bón lá	1.000đ	150
7	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	300

1.25. Định mức kỹ thuật sản xuất các loại nấm: Mỡ, Bào Ngư, Rơm, Mộc Nhĩ, Hương và Linh Chi

Tính cho: 01 tấn nguyên liệu thô

TT	Hạng Mục	Đơn vị tính	Định mức hỗ trợ
I	Nấm mỡ:		
1	Giống	Kg	18
2	Nguyên liệu	Kg	300
3	Urê	Kg	1,5
4	Đạm Sunphat	Kg	6
5	Lân Supe	Kg	9
6	Bột nhẹ	Kg	9
II	Nấm Bào Ngư:		
1	Giống	Kg	45
2	Nguyên liệu	Kg	300
3	Túi PE (30x45)	Kg	1,8
4	Nút, bông, chun,...	Kg	1,8
5	Giàn giá, dụng cụ	1.000đ	300
III	Nấm rơm:		
1	Giống	Kg	12
2	Nguyên liệu	Kg	300
3	Giàn giá, dụng cụ	1.000đ	150
IV	Mộc nhĩ:		
1	Giống	que	1.500
2	Nguyên liệu	Kg	300
3	Túi PE (19x38)	Kg	2,4

3	Lân supe	Kg	225
4	Kali Clorua	Kg	90
5	Phân hữu cơ sinh học	Kg	600
6	Phân bón lá	1.000đ	150
7	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000đ	300

1.25. Định mức kỹ thuật sản xuất các loại nấm: Mỡ, Bào Ngư, Rơm, Mộc Nhĩ, Hương và Linh Chi

Tính cho: 01 tấn nguyên liệu thô

TT	Hạng Mục	Đơn vị tính	Định mức hỗ trợ
I	Nấm mỡ:		
1	Giống	Kg	18
2	Nguyên liệu	Kg	300
3	Urê	Kg	1,5
4	Đạm Sunphat	Kg	6
5	Lân Supe	Kg	9
6	Bột nhệ	Kg	9
II	Nấm Bào Ngư:		
1	Giống	Kg	45
2	Nguyên liệu	Kg	300
3	Túi PE (30x45)	Kg	1,8
4	Nút, bông, chun,...	Kg	1,8
5	Giàn giá, dụng cụ	1.000đ	300
III	Nấm rơm:		
1	Giống	Kg	12
2	Nguyên liệu	Kg	300
3	Giàn giá, dụng cụ	1.000đ	150
IV	Mộc nhĩ:		
1	Giống	que	1.500
2	Nguyên liệu	Kg	300
3	Túi PE (19x38)	Kg	2,4

4	Nút, bông, chun,...	Kg	2,4
5	Giàn giá, dụng cụ	1.000d	450
V	Nấm hương:		
1	Giống	Kg	5
2	Nguyên liệu	Kg	300
3	Túi PE (25x35)	Kg	2,4
4	Nút, bông, chun,...	Kg	2,4
5	Giàn giá, dụng cụ	1.000d	600
VI	Nấm linh chi:		
1	Giống	chai	30
2	Nguyên liệu	Kg	300
3	Túi PE (25x35)	Kg	2,4
4	Nút, bông, chun,...	Kg	2,4
5	Cắm và phụ gia	1.000d	108
6	Giàn giá, dụng cụ	1.000d	600

1.26. Định mức kỹ thuật thâm canh cam, quýt

Tính cho: 01 ha

TT	Hạng Mục	Đơn vị tính	Định mức hỗ trợ
1	Urê	Kg	180
2	Lân Supe	Kg	450
3	Kali Clorua	Kg	180
4	Phân sinh học	Lít	13,5
5	Túi bao quả	Cái	48.000
6	Bả dự tính, dự báo	Cái	5
7	Thuốc bảo vệ thực vật	Kg	3

1.27. Định mức kỹ thuật trồng thâm canh cam, quýt

Tính cho: 01 ha

TT	Hạng Mục		Đơn vị tính	Định mức hỗ trợ
1	Năm thứ	Giống trồng mới	cây	1200
		Giống trồng dặm	cây	60

	nhất	Urê	kg	108
		Lân Supe	kg	360
		Kali Clorua	kg	144
		Phân sinh học	lít	6
		Vôi bột	kg	360
		Thuốc bảo vệ thực vật	kg	2,4
2	Chăm sóc năm thứ hai	Urê	kg	108
		Lân Supe	kg	390
		Kali Clorua	kg	120
		Phân sinh học	lít	6
		Thuốc bảo vệ thực vật	kg	2,4
3	Chăm sóc năm thứ ba	Urê	kg	144
		Lân Supe	kg	450
		Kali Clorua	kg	195
		Phân sinh học	lít	9
		Thuốc bảo vệ thực vật	kg	3
4	Chăm sóc năm thứ tư	Urê	kg	144
		Lân Supe	kg	450
		Kali Clorua	kg	195
		Phân sinh học	lít	9
		Thuốc bảo vệ thực vật	kg	3

1.28. Định mức kỹ thuật trồng thâm canh cam, quýt xen ổi

Tính cho: 01 ha

TT	Hạng Mục		Đơn vị tính	Định mức hỗ trợ
1	Năm thứ	Giống cam, quýt		
		Giống trồng mới	cây	1.000
		Giống trồng dặm	cây	50
		Giống ổi		
		Giống ổi trồng mới	cây	300
		Giống ổi trồng dặm	cây	15

	nhất	Urê	kg	90
		Lân Supe	kg	390
		Kali Clorua	kg	120
		Phân sinh học	lít	6
		Vôi bột	kg	360
		Thuốc bảo vệ thực vật	kg	1,8
2	Chăm sóc năm thứ hai	Urê	kg	90
		Lân Supe	kg	390
		Kali Clorua	kg	120
		Phân sinh học	lít	6
		Thuốc bảo vệ thực vật	kg	1,8
3	Chăm sóc năm thứ ba	Urê	kg	135
		Lân Supe	kg	450
		Kali Clorua	kg	195
		Phân sinh học	lít	9
		Thuốc bảo vệ thực vật	kg	2,4
4	Chăm sóc năm thứ tư	Urê	kg	135
		Lân Supe	kg	450
		Kali Clorua	kg	195
		Phân sinh học	lít	9
		Thuốc bảo vệ thực vật	kg	2,4

1.29. Định mức kỹ thuật trồng thâm canh bưởi theo GAP

Tính cho: 01 ha

TT	Hạng Mục		Đơn vị tính	Định mức hỗ trợ
1	Năm thứ nhất	Giống trồng mới	cây	500
		Giống trồng dặm	cây	25
		Urê	kg	60
		Lân Supe	kg	150
		Kali Clorua	kg	90
		Phân sinh học	lít	4,5
		Vôi bột	kg	240

		Thuốc bảo vệ thực vật	kg	1,5
2	Chăm sóc năm thứ hai	Urê	kg	60
		Lân Supe	kg	150
		Kali Clorua	kg	90
		Phân sinh học	lít	4,5
		Thuốc bảo vệ thực vật	kg	1,5
3	Chăm sóc năm thứ ba	Urê	kg	90
		Lân Supe	kg	150
		Kali Clorua	kg	120
		Phân sinh học	lít	7,5
		Thuốc bảo vệ thực vật	kg	1,8
4	Chăm sóc năm thứ tư	Urê	kg	90
		Lân Supe	kg	150
		Kali Clorua	kg	120
		Phân sinh học	lít	7,5
		Thuốc bảo vệ thực vật	kg	1,8

1.30. Định mức kỹ thuật trồng thâm canh bưởi xen ổi

Tính cho: 01 ha

TT	Hạng Mục		Đơn vị tính	Định mức hỗ trợ
1	Năm thứ nhất	Giống bưởi trồng mới	cây	500
		Giống bưởi trồng dặm	cây	25
		Giống ổi trồng mới	cây	200
		Giống ổi trồng dặm	cây	10
		Urê	kg	75
		Lân Supe	kg	210
		Kali Clorua	kg	105
		Phân sinh học	lít	4,5
		Vôi bột	kg	210
		Thuốc bảo vệ thực vật	kg	1,5
2	Chăm sóc	Urê	kg	75
		Lân Supe	kg	210

	năm thứ hai	Kali Clorua	kg	105
		Phân sinh học	lít	4,5
		Thuốc bảo vệ thực vật	kg	1,5
3	Chăm sóc năm thứ ba	Urê	kg	90
		Lân Supe	kg	210
		Kali Clorua	kg	150
		Phân sinh học	lít	7,5
		Thuốc bảo vệ thực vật	kg	1,8
4	Chăm sóc năm thứ tư	Urê	kg	90
		Lân Supe	kg	210
		Kali Clorua	kg	150
		Phân sinh học	lít	7,5
		Thuốc bảo vệ thực vật	kg	1,8

1.31. Định mức kỹ thuật thâm canh bưởi

Tính cho: 01 ha

TT	Hạng Mục	Đơn vị tính	Định mức hỗ trợ
1	Urê	kg	96
2	Lân Supe	kg	180
3	Kali Clorua	kg	69
4	Phân sinh học	lít	9
5	Túi bao quả	cái	9.000
6	Bả dự tính, dự báo	cái	4,5
7	Thuốc bảo vệ thực vật	kg	1,8

1.32. Định mức kỹ thuật thâm canh nhãn, vải

Tính cho: 01 ha

TT	Hạng Mục	Đơn vị tính	Định mức hỗ trợ
1	Urê	kg	171
2	Lân Supe	kg	186
3	Kali Clorua	kg	99

4	Phân sinh học	lít	9
5	Bả dự tính, dự báo	cái	4,5
6	Thuốc bảo vệ thực vật	kg	4,2

1.33. Định mức kỹ thuật trồng thâm canh nhãn, vải, xoài, mít

Tính cho: 01 ha

TT	Hạng Mục		Đơn vị tính	Định mức hỗ trợ
1	Năm thứ nhất	Giống trồng mới	Cây	400
		Giống trồng dặm	Cây	20
		Urê	Kg	45
		Lân Supe	Kg	120
		Kali Clorua	Kg	36
		Phân sinh học	Lít	4,5
		Vôi bột	Kg	120
		Thuốc bảo vệ thực vật	Kg	0,9
2	Chăm sóc năm thứ hai	Urê	Kg	45
		Lân Supe	Kg	120
		Kali Clorua	Kg	36
		Phân sinh học	Lít	4,5
		Thuốc bảo vệ thực vật	Kg	0,9
3	Chăm sóc năm thứ ba	Urê	Kg	60
		Lân Supe	Kg	120
		Kali Clorua	Kg	84
		Phân sinh học	Lít	6
		Thuốc bảo vệ thực vật	Kg	1,2
4	Chăm sóc năm thứ tư	Urê	Kg	75
		Lân Supe	Kg	120
		Kali Clorua	Kg	84
		Phân sinh học	Lít	6
		Thuốc bảo vệ thực vật	Kg	1,2

1.34. Định mức kỹ thuật thâm canh xoài

Tính cho: 01 ha

TT	Hạng Mục	Đơn vị tính	Định mức hỗ trợ
1	Urê	Kg	171
2	Lân Supe	Kg	186
3	Kali Clorua	Kg	99
4	Phân sinh học	Lít	9
5	Túi bao quả	Cái	36.000
6	Bả dự tính, dự báo	Cái	4,5
7	Thuốc bảo vệ thực vật	Kg	2,4

1.35. Định mức kỹ thuật ghép cải tạo: nhãn, vải, xoài

Tính cho: 01 ha

TT	Hạng Mục		Đơn vị tính	Định mức hỗ trợ
1	Năm thứ nhất	Mắt ghép (60 mắt/cây)	mắt	24000
		Dây ghép	Kg	2,4
		Urê	Kg	36
		Lân Supe	Kg	99
		Kali Clorua	Kg	30
		Phân sinh học	Lít	4,5
		Thuốc bảo vệ thực vật	Kg	0,9
2	Chăm sóc năm thứ hai	Urê	Kg	45
		Lân Supe	Kg	120
		Kali Clorua	Kg	48
		Phân sinh học	Lít	6
		Thuốc bảo vệ thực vật	Kg	1,2
3	Chăm sóc năm thứ ba	Urê	Kg	69
		Lân Supe	Kg	135
		Kali Clorua	Kg	48
		Phân sinh học	Lít	7,5
		Thuốc bảo vệ thực vật	Kg	1,2

1.36. Định mức kỹ thuật trồng thâm canh sầu riêng, măng cụt

Tính cho: 01 ha

TT	Hạng Mục		Đơn vị tính	Định mức hỗ trợ
1	Năm thứ nhất	Giống trồng mới	Cây	200
		Giống trồng dặm	Cây	10
		Urê	Kg	22,5
		Lân Supe	Kg	60
		Kali Clorua	Kg	18
		Phân sinh học	Lít	3
		Vôi bột	Kg	60
		Thuốc bảo vệ thực vật	Kg	0,9
2	Chăm sóc năm thứ hai	Urê	Kg	22,5
		Lân Supe	Kg	60
		Kali Clorua	Kg	18
		Phân sinh học	Lít	3
		Thuốc bảo vệ thực vật	Kg	0,9
3	Chăm sóc năm thứ ba	Urê	Kg	30
		Lân Supe	Kg	60
		Kali Clorua	Kg	30
		Phân sinh học	Lít	4,5
		Thuốc bảo vệ thực vật	Kg	1,2
4	Chăm sóc năm thứ tư	Urê	Kg	42
		Lân Supe	Kg	60
		Kali Clorua	Kg	30
		Phân sinh học	Lít	4,5
		Thuốc bảo vệ thực vật	Kg	1,2

1.37. Định mức kỹ thuật thâm canh sầu riêng, măng cụt, mít

Tính cho: 01 ha

TT	Hạng Mục	Đơn vị tính	Định mức hỗ trợ
1	Urê	kg	171
2	Lân Supe	kg	186
3	Kali Clorua	kg	99

4	Phân sinh học	lít	9
5	Bả dự tính, dự báo	cái	4,5
6	Thuốc bảo vệ thực vật	kg	2,4

1.38. Định mức kỹ thuật trồng thâm canh thanh long

Tính cho: 01 ha

TT	Hạng Mục		Đơn vị tính	Định mức hỗ trợ
1	Năm thứ nhất	Giống trồng mới	Cây	3.885
		Trụ xi măng	trụ	333
		Urê	Kg	105
		Lân Supe	Kg	360
		Kali Clorua	Kg	135
		Phân sinh học	Lít	7,5
		Thuốc bảo vệ thực vật	Kg	0,6
2	Chăm sóc năm thứ hai	Urê	Kg	105
		Lân Supe	Kg	360
		Kali Clorua	Kg	135
		Phân sinh học	Lít	7,5
		Thuốc bảo vệ thực vật	Kg	0,6
3	Chăm sóc năm thứ ba	Urê	Kg	180
		Lân Supe	Kg	720
		Kali Clorua	Kg	234
		Phân sinh học	Lít	10,5
		Thuốc bảo vệ thực vật	Kg	0,9

1.39. Định mức kỹ thuật thâm canh thanh long

Tính cho: 01 ha

TT	Hạng Mục	Đơn vị tính	Định mức hỗ trợ
1	Urê	Kg	180
2	Lân Supe	Kg	720
3	Kali Clorua	Kg	210
4	Phân sinh học	Lít	12

5	Bả dự tính, dự báo	Cái	4,5
6	Thuốc bảo vệ thực vật	Kg	0,9

1.40. Định mức kỹ thuật trồng thâm canh gấc

Tính cho: 01 ha

TT	Hạng Mục	Đơn vị tính	Định mức hỗ trợ
1	Cây giống (giâm trong bầu bằng hom)	cây	400
2	Cột bê tông	cột	240
3	Urê	kg	36
4	Lân Supe	kg	60
5	Kali Clorua	kg	24
6	Thuốc bảo vệ thực vật	kg	2,4

1.41. Định mức kỹ thuật trồng thâm canh chuối

Tính cho: 01 ha

TT	Hạng Mục	Đơn vị tính	Định mức hỗ trợ
1	Cây giống	Cây	2.000
2	Giống trồng dặm	Cây	100
3	Urê	Kg	180
4	Lân Supe	Kg	300
5	Kali Clorua	Kg	180
6	Vôi bột	Kg	300
7	Túi bao buồng	Túi	600
8	Thuốc bảo vệ thực vật	Kg	1,5

1.42. Định mức kỹ thuật nhân giống đậu phộng

Tính cho: 01 ha

TT	Hạng Mục	Đơn vị tính	Định mức hỗ trợ
1	Củ giống	Kg	220
2	Urê	Kg	30
3	Lân Supe	Kg	180
4	Kali Clorua	Kg	60

5	Vôi bột	Kg	150
6	Thuốc bảo vệ thực vật	Kg	1,5

1.43. Định mức kỹ thuật trồng thâm canh đậu phộng áp dụng biện pháp che phủ nilon

Tính cho: 01 ha

TT	Hạng Mục	Đơn vị tính	Định mức hỗ trợ
1	Củ giống	Kg	240
2	Nilon	Kg	30
3	Urê	Kg	24
4	Lân Supe	Kg	180
5	Kali Clorua	Kg	60
6	Phân hữu cơ vi sinh	Kg	450
7	Vôi bột	Kg	150
8	Thuốc bảo vệ thực vật	Kg	1,5

1.44. Định mức kỹ thuật nhân giống đậu nành

Tính cho: 01 ha

TT	Hạng Mục	Đơn vị tính	Định mức hỗ trợ
1	Giống	Kg	60
2	Urê	Kg	24
3	Lân Supe	Kg	135
4	Kali Clorua	Kg	45
5	Vôi bột	Kg	150
6	Thuốc bảo vệ thực vật	Kg	1,5

1.45. Định mức kỹ thuật sản xuất đậu nành gieo vãi trên chân đất ướt

Tính cho: 01 ha

TT	Hạng Mục	Đơn vị tính	Định mức hỗ trợ
1	Giống	Kg	90
2	Urê	Kg	30
3	Lân Supe	Kg	135
4	Kali Clorua	Kg	45

5	Vôi bột	Kg	150
6	Thuốc bảo vệ thực vật	Kg	1,5

1.46. Định mức kỹ thuật nhân giống mè cao sản

Tính cho: 01 ha

TT	Hạng Mục	Đơn vị tính	Định mức hỗ trợ
1	Giống	Kg	5
2	Urê	Kg	30
3	Lân Supe	Kg	135
4	Kali Clorua	Kg	30
5	Vôi bột	Kg	90
6	Thuốc bảo vệ thực vật	Kg	1,2

1.47. Định mức kỹ thuật vườn ươm giống mía mới bằng phương pháp nhân hom một mầm trong bầu nilon

Tính cho: 01 ha

TT	Hạng Mục	Đơn vị tính	Định mức hỗ trợ
1	Hom mía	Hom	550.000
2	Túi nilon	Cái	165.000
3	Thuốc xử lý hom	Kg	1,5
4	Urê	Kg	18
5	Lân Supe	Kg	18
6	Kali Clorua	Kg	18

1.48. Định mức kỹ thuật trồng thâm canh mía

Tính cho: 01 ha

TT	Hạng Mục	Đơn vị tính	Định mức hỗ trợ
1	Giống trồng mới	Kg	10.000
2	Giống trồng dặm	Kg	500
3	Urê	Kg	120
4	Lân Supe	Kg	180
5	Kali Clorua	Kg	120
6	Vôi bột	Kg	210
7	Thuốc bảo vệ thực vật	Kg	1,2

1.49. Định mức kỹ thuật trồng thâm canh hồ tiêu

Tính cho: 01 ha

TT	Hạng Mục		Đơn vị tính	Định mức hỗ trợ
1	Năm thứ nhất	Giống trồng mới	bầu/hom	5.400
		Giống trồng dặm	bầu/hom	270
		Choái	cái/cây	540
		Urê	kg	135
		Lân Supe	kg	180
		Kali Clorua	kg	225
		Vôi bột	kg	450
		Thuốc xử lý đất	kg	1,5
		Thuốc trừ sâu	kg	0,9
		Thuốc trừ bệnh	kg	0,9
2	Chăm sóc năm thứ hai	Urê	kg	135
		Lân Supe	kg	180
		Kali Clorua	kg	225
		Phân sinh học	lít	4,5
		Chế phẩm Trichoderma	kg	24
		Thuốc bảo vệ thực vật	kg	1,8
3	Chăm sóc năm thứ ba	Urê	kg	180
		Lân Supe	kg	240
		Kali Clorua	kg	270
		Phân sinh học	lít	7,5
		Chế phẩm Trichoderma	kg	24
		Thuốc bảo vệ thực vật	kg	1,8

1.50. Định mức kỹ thuật thâm canh hồ tiêu

Tính cho: 01 ha

TT	Hạng Mục	Đơn vị tính	Định mức hỗ trợ
1	Urê	Kg	180
2	Lân Supe	Kg	240
3	Kali Clorua	Kg	270

4	Phân sinh học	Lít	7,5
5	Chế phẩm Trichoderma	Kg	24
6	Thuốc bảo vệ thực vật	Kg	1,8

1.51. Định mức kỹ thuật vườn ươm điều

Tính cho: 01 ha

TT	Hạng Mục	Đơn vị tính	Định mức hỗ trợ
1	Hạt giống	Kg	1.200
2	Túi bầu	Kg	150
3	Mất ghép	mất	150.000
4	Urê	Kg	60
5	Lân Supe	Kg	240
6	Kali Clorua	Kg	60
7	Phân vi sinh	Kg	1.200
8	Thuốc bảo vệ thực vật	Kg	1,2

1.52. Định mức kỹ thuật trồng thâm canh điều ghép

Tính cho: 01 ha

TT	Hạng Mục		Đơn vị tính	Định mức hỗ trợ
1	Năm thứ nhất	Giống trồng mới	cây	250
		Giống trồng dặm	cây	12
		Urê	kg	15
		Lân Supe	kg	75
		Kali Clorua	kg	9
		Vôi bột	kg	75
		Thuốc bảo vệ thực vật	kg	1,2
2	Chăm sóc năm thứ hai	Urê	kg	21
		Lân Supe	kg	75
		Kali Clorua	kg	18
		Thuốc bảo vệ thực vật	Kg	1,8
3	Chăm	Urê	Kg	30

	sóc năm thứ ba	Lân Supe	Kg	75
		Kali Clorua	Kg	60
		Thuốc bảo vệ thực vật	Kg	1,8
4	Chăm sóc năm thứ tư	Urê	Kg	45
		Lân Supe	Kg	225
		Kali Clorua	Kg	90
		Thuốc bảo vệ thực vật	Kg	1,8

2. Định mức phần triển khai các mô hình trồng trọt

Phần triển khai, đối với từng mô hình áp dụng theo Quyết định số 3073/QĐ-BNN-KHCN ngày 28 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành các định mức tạm thời áp dụng cho các chương trình, dự án khuyến nông khuyến ngư:

II. Định mức trong lĩnh vực chăn nuôi

Định mức xây dựng mô hình và triển khai mô hình áp dụng theo Quyết định số 54/QĐ-BNN-KHCN ngày 09 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành tạm thời các định mức kỹ thuật áp dụng cho các mô hình thuộc dự án khuyến nông trung ương lĩnh vực chăn nuôi.

III. Định mức trong lĩnh vực thủy sản

1. Định mức phần kỹ thuật

Định mức phần kỹ thuật trong các mô hình thủy sản áp dụng theo Quyết định số 3276/QĐ-BNN-KHCN ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định ban hành định mức tạm thời áp dụng cho các chương trình khuyến ngư.

2. Mức hỗ trợ giống, thức ăn (tính cho 1 ha):

Tính trên cơ sở định mức kỹ thuật của Quyết định số 3276/QĐ-BNN-KHCN ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định ban hành định mức tạm thời áp dụng cho các chương trình khuyến ngư.

2.1. Định mức kỹ thuật nuôi thâm canh cá rô phi (tính cho 01 ha)

Đối tượng nuôi	Hình thức nuôi	Định mức hỗ trợ	
		Giống (con)	Thức ăn (kg)
Cá rô phi	Bán thâm canh trong ao	25.000	3.600
	Thâm canh trong ao	40.000	7.560
	Xen canh cá lúa	5.000	150

2.2. Định mức kỹ thuật nuôi thâm canh cá rô đồng (tính cho 01 ha)

Đối tượng nuôi	Hình thức nuôi	Định mức hỗ trợ	
		Giống (con)	Thức ăn (kg)
Cá rô đồng	Bán thâm canh trong ao	150.000	6.000
	Thâm canh trong ao	500.000	18.000

2.3. Định mức kỹ thuật nuôi thâm canh cá Tra (tính cho 01 ha)

Đối tượng nuôi	Hình thức nuôi	Định mức hỗ trợ	
		Giống (con)	Thức ăn (kg)
Cá tra	Thâm canh bậc 2	300.000	122.400

2.4. Định mức kỹ thuật nuôi cá Sặc Rằn (tính cho 01 ha)

Đối tượng nuôi	Hình thức nuôi	Định mức hỗ trợ	
		Giống (con)	Thức ăn (kg)
Cá sặc rằn	Bán thâm canh trong ao	200.000	12.000

2.5. Định mức kỹ thuật nuôi cá Thát Lát (tính cho 01 ha)

Đối tượng nuôi	Hình thức nuôi	Định mức hỗ trợ	
		Giống (con)	Thức ăn (kg)
Cá Thát lát	Thâm canh trong ao	90.000	12.600

2.6. Định mức kỹ thuật nuôi cá Bống Tượng (tính cho 01 ha)

Đối tượng nuôi	Hình thức nuôi	Định mức hỗ trợ	
		Giống (con)	Thức ăn (kg)
Cá Bống tượng	Nuôi trong ao	20.000	12.000
	Nuôi trong bè	30 con/m ³	21,6 kg/m ³

2.7. Định mức kỹ thuật nuôi cá Lóc (tính cho 01 ha)

Đối tượng nuôi	Hình thức nuôi	Định mức hỗ trợ	
		Giống (con)	Thức ăn (kg)
Cá Lóc	Nuôi trong bè	130 con/m ³	48 kg/m ³
	Nuôi trong ao	100.000	42.000

2.8. Định mức kỹ thuật nuôi cá Chình nước ngọt (tính cho 01 ha)

Đối tượng nuôi	Hình thức nuôi	Định mức hỗ trợ	
		Giống (con)	Thức ăn (kg)
Cá chình nước ngọt	Nuôi trong lồng	20 /m ³	84 /m ³
	Nuôi trong ao đất	10.000	42.000
	Nuôi trong bể	100000	240.000

2.9. Định mức kỹ thuật nuôi cá: Ghép Trắm Cỏ làm chính (tính cho 01 ha)

Đối tượng nuôi	Hình thức nuôi	Định mức hỗ trợ	
		Giống (con)	Thức ăn (kg)
Ghép trắm cỏ làm chính, số lượng >50% còn lại cá khác	Nuôi trong ao	250.000	3.600

2.10. Định mức kỹ thuật nuôi cá: Ghép Rô Phi làm chính (tính cho 01 ha)

Đối tượng nuôi	Hình thức nuôi	Định mức hỗ trợ	
		Giống (con)	Thức ăn (kg)
Ghép rô phi chính số lượng >50% còn lại cá khác	Nuôi trong ao	30.000	3.600

2.11. Định mức kỹ thuật nuôi lươn (tính cho 01 ha)

Đối tượng nuôi	Hình thức nuôi	Định mức hỗ trợ	
		Giống (con)	Thức ăn (kg)
Lươn	Nuôi trong bể	600.000	120.000

2.12. Định mức kỹ thuật nuôi BaBa (tính cho 01 ha)

Đối tượng nuôi	Hình thức nuôi	Định mức hỗ trợ	
		Giống (con)	Thức ăn (kg)
Ba ba	Nuôi trong ao, bể	20.000	48.000

2.13. Định mức kỹ thuật nuôi ghép cá Chép làm chính (tính cho 01 ha)

Đối tượng nuôi	Hình thức nuôi	Định mức hỗ trợ	
		Giống (con)	Thức ăn (kg)
Cá chép là chính và một số loài khác	Nuôi trong ao	30.000	3.600

2.14. Nuôi tôm càng xanh (tính cho 01 ha)

Đối tượng nuôi	Hình thức nuôi	Định mức hỗ trợ	
		Giống (con)	Thức ăn (kg)
Tôm càng xanh	Bán thâm canh trong ao	100.000	990
	Thâm canh trong ao	200.000	2.250
	Xen canh tôm lúa	25.000	75

2.15. Định mức kỹ thuật nuôi ếch (tính cho 01 ha)

Đối tượng nuôi	Hình thức nuôi	Định mức hỗ trợ	
		Giống (con)	Thức ăn (kg)
Ếch	Nuôi trong ao vườn	600.000	37.800
	Nuôi trong lồng	80 con/m ³	7,02 kg/m ³

3. Định mức phân triển khai các mô hình thủy sản

Phân triển khai, đối với từng mô hình áp dụng theo Quyết định số 3276/QĐ-BNN-KHCN ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định ban hành định mức tạm thời áp dụng cho các chương trình khuyến ngư./.

TM ỦY BAN NHÂN DÂN
 CHỦ TỊCH
 ĐẠO CHỦ TỊCH

 Nguyễn Mạnh Hùng